

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/DS- PT
Ngày: 05/4/2021
V/v Tranh chấp quyền sử
dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thọ;

Các Thẩm phán: Ông Hà Văn Nâu; ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 05/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 225/DSPT, ngày 18/12/2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 22 -10 -2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐ- PT ngày 18/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/QĐ- PT ngày 05/3/2021 giữa các đương sự:

- Các đồng nguyên đơn:

1. Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1962 (có mặt);

2. Bà Nông Thị L, sinh năm 1967 (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông Bé Văn Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt);

Bà Hoàng Thị P, sinh năm 1956 (vắng mặt);

- Người đại diện theo ủy quyền của ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P: Anh Bé Văn H, sinh năm 1984 (Văn bản ủy quyền ngày 11/5/2020, vắng mặt).

Đều cư trú tại: Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt);

2. Anh Hoàng Đức H, sinh năm 1994 (vắng mặt);

Đều cùng địa chỉ cư trú: Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Thôn S, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

4. Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1992 (vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Xóm N, xã L V, thị xã Q Y, tỉnh Quảng Ninh.

5. Anh Bé Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt);

6. Anh Bé Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt);

7. Chị Bé Thị H, sinh năm 1978 (vắng mặt);

8. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1984 (có mặt);

9. Anh Bé Văn H, sinh năm 1984 (có mặt);

10. Chị Bé Thị B, sinh năm 1985 (có mặt);

Đều cùng địa chỉ cư trú: Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện hợp pháp của anh Bé Văn T, anh Bé Văn H, chị Bé Thị H, chị Nguyễn Thị P, chị Bé Thị B: Anh Bé Văn H, sinh năm 1984, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, Văn bản ủy quyền ngày 12/8/2020 và ngày 29/9/2020 (có mặt);

11. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1967 (vắng mặt);

12. Bà Lê Thị P, sinh năm 1967 (vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị P: Anh Hoàng Văn Đ, sinh năm 1992 (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2020 vắng mặt).

Đều cùng địa chỉ cư trú: Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang.

13. Ủy ban nhân dân xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang, do ông Bé Văn C, chức vụ: Chủ tịch UBND xã là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

14. Ủy ban nhân dân huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang, do ông Lâm Văn B – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện S Đ đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 1402/UBND-NC, ngày 04/8/2020, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/12/2019 và ngày 17/02/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Các đồng nguyên đơn là ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L đều thống nhất trình bày: Năm 1995, gia đình ông được Nhà nước giao cho 01 lô đất lâm nghiệp tại khu Nà Pa, thôn D 1 (nay là thôn D), xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang, mục đích là để khoanh nuôi, bảo vệ rừng, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp năm 1995, đến năm 1999 thì được cấp đổi sang sổ bìa đỏ, Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số N734037, cấp ngày 25/9/1999, mang tên hộ ông Hoàng Văn X, thuộc lô 5b, khoảnh 18, thôn D, xã H S, diện tích là 28.000 m². Từ khi được giao đất, giao rừng, gia đình ông vẫn quản lý sử dụng. Đến năm 2010 chuyển sang trồng rừng kinh tế trên thửa đất lâm nghiệp được giao. Do thửa đất của gia đình ông giáp danh với thửa đất hộ ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P nên hộ gia đình ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P đã nhiều lần lấn chiếm thửa đất của gia đình ông. Ông nhiều lần yêu cầu ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P trả lại diện tích đất lấn chiếm nhưng ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P không trả nên hai bên xảy ra tranh chấp. Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P trả lại phần diện tích đất lấn chiếm theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông.

Các đồng bị đơn là ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P do anh Bé Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày: Gia đình anh có một thửa đất tại khu vực đồi Nà Pa, Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang. Năm 1995, thực hiện chính sách giao đất, giao rừng, gia đình anh được Nhà nước giao quyền sử dụng đất lâm nghiệp đối với thửa đất trên và thêm cả diện tích rừng tái sinh, đến năm 1999 thì được cấp đổi sang sổ bìa đỏ. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N 734032, cấp ngày 05/10/1999 mang tên hộ ông Bé Văn Đ, thuộc lô 9b, khoảnh 18, thôn D, xã H S, diện tích là 2,5 ha. Từ khi được giao đất, giao rừng, gia đình anh vẫn khoanh nuôi, bảo vệ rừng đến năm 2008 chuyển sang trồng rừng kinh tế cây keo, cây thông trên thửa đất lâm nghiệp được giao. Thửa đất gia đình anh được giao giáp danh với thửa đất hộ ông Hoàng Văn X, vợ chồng ông Hoàng Văn X cho rằng gia đình anh lấn chiếm thửa đất nên yêu cầu gia đình anh phải trả lại đất lấn chiếm, gia đình anh không nhất trí nên hai bên xảy ra tranh chấp.

Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, xác định: gia đình anh và gia đình ông Hoàng Văn X đều canh tác không đúng với vị trí lô, khoảnh được giao. Anh nhất trí với kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L khởi kiện yêu cầu gia đình anh phải trả diện tích 9.436m² đất anh không đồng ý. Lý do: diện tích đất tranh chấp tuy không thuộc lô 9b, khoảnh 18 của gia đình anh nhưng gia đình anh đã quản lý, sử dụng từ năm 1995 đến nay; diện tích đất tranh chấp không nằm trong lô 5b, khoảnh 18 của gia đình ông Hoàng Văn X nên yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L đối với gia đình anh là không có căn cứ.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Anh Bé Văn T, Bé Văn H, Bé Thị H đều thống nhất trình bày: Gia đình anh, chị có một thửa đất tại khu vực đồi Nà Pa, Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc

Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Bé Văn Đ. Đến nay, các anh, chị đều đã xây dựng gia đình và ra ở riêng, không còn canh tác trên thửa đất cùng bố mẹ nữa. Việc xảy ra tranh chấp với gia đình ông Hoàng Văn X như thế nào anh, chị không biết. Do bận công việc, anh, chị đều ủy quyền cho em trai là anh Bé Văn H đại diện tham gia tố tụng, ý kiến của anh, chị thống nhất với ý kiến của anh Bé Văn H.

- Chị Nguyễn Thị P trình bày: Gia đình chị có một thửa đất tại khu vực đồi Nà Pa, Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ ông Bé Văn Đ. Gia đình chị canh tác trồng keo, thông trên đất từ năm 2008 đến nay. Do đất của hai hộ giáp ranh nên vợ chồng ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L cho rằng gia đình chị lấn đất. Ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L khởi kiện đòi đất của gia đình chị, chị không nhất trí. Chị ủy quyền cho chồng chị là anh Bé Văn H đại diện tham gia tố tụng, ý kiến của chị thống nhất với ý kiến của anh Bé Văn H.

- Chị Bé Thị B trình bày: Gia đình chị có một thửa đất tại khu vực đồi Nà Pa, Thôn D, xã H S, huyện S Đ. Nguồn gốc thửa đất do gia đình chị được Nhà nước giao cho từ năm 1995. Năm 2011, chị lấy chồng và chuyển khẩu về nhà chồng, ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L khởi kiện yêu cầu bố mẹ chị phải trả cho vợ chồng ông Hoàng Văn X diện tích 9.436m² đất tranh chấp, trong đó có 2.208m² đất hiện chị đang trồng keo, chị không nhất trí. Chị ủy quyền cho anh trai là Bé Văn H đại diện tham gia tố tụng.

- Ông Hoàng Văn L, bà Lê Thị P do anh Hoàng Văn Đ đại diện theo ủy quyền trình bày: Gia đình anh có một thửa đất lâm nghiệp tại khu vực đồi Nà Pa, Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Hoàng Văn L, thuộc lô 10, khoảnh 18, diện tích 41.000m² nhưng thực tế thửa đất gia đình anh đang sử dụng chỉ được 17000m². Tòa án tiến hành đo đạc, đối chiếu với bản đồ quản lý đất lâm nghiệp xác định vị trí thửa đất hộ ông Hoàng Văn X, hộ ông Bé Văn Đ canh tác có một phần đất nằm trong lô 10b, khoảnh 18 của gia đình anh. Hiện tại, gia đình anh chưa yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết buộc gia đình ông Hoàng Văn X, gia đình ông Bé Văn Đ trả lại diện tích đất cho gia đình anh theo như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh. Khi nào có yêu cầu, gia đình anh sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

- Chị Hoàng Thị A, Hoàng Thị N (là con của ông Hoàng Văn X) trình bày thống nhất với ý kiến của ông Hoàng Văn X.

- Anh Hoàng Văn T, Hoàng Đức H đều thống nhất trình bày: Gia đình các anh được Nhà nước giao đất từ năm 1995, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, đứng tên hộ ông Hoàng Văn X. Do thửa đất của gia đình các anh có giáp ranh với đất nhà ông Bé Văn Đ nên gia đình ông Bé Văn Đ lần chiếm một phần diện tích lô đất. Các anh đề nghị Tòa án giải quyết, buộc gia đình ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P phải trả lại diện tích đất tranh chấp theo đúng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh.

- Ủy ban nhân dân xã H S, huyện S Đ trình bày: Năm 1995 thực hiện chủ trương giao đất, giao rừng, Ủy ban nhân dân xã H S, huyện S Đ có cử cán bộ đại diện tham gia Tổ công tác đến thực địa giao đất. Việc giao nhận đất lâm nghiệp khi đó chỉ xác định vị trí lô thửa và chỉ ranh giới cho các hộ dựa trên đặc điểm địa hình như đỉnh, đông, rạch chứ không có máy móc đo đạc, không cắm mốc giới. Mỗi hộ gia đình có một người đại diện đứng ra nhận đất và ký vào biên bản giao nhận đất. Kết quả đo đạc xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định hộ ông Hoàng Văn X và hộ ông Bé Văn Đ sử dụng đất không đúng vị trí lô, khoảnh mà hai hộ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xác minh, thu thập thông tin thì nguyên nhân các hộ làm không đúng lô, khoảnh được giao có thể là do thời điểm giao đất vẫn là rừng tự nhiên, sau khi được giao đất các hộ gia đình chưa canh tác, sử dụng ngay, đến khi tiến hành canh tác lại không mời cán bộ chuyên môn đến xác định đúng vị trí lô, khoảnh mà mình được giao mà tự xác định nên xảy ra việc sử dụng nhầm lô, khoảnh.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án đã xác định: Trong tổng diện tích 9.436m^2 mà hai bên đang tranh chấp có 3.086m^2 là đất cộng đồng chưa giao cho hộ gia đình, cá nhân nào quản lý, sử dụng. Do Ủy ban nhân dân xã H S chưa có kế hoạch giao đất cộng đồng đó cho hộ gia đình, cá nhân nào quản lý, sử dụng nên thời điểm hiện tại chưa có yêu cầu gì.

- Ủy ban nhân dân huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang trình bày: Hồ sơ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô 5b, khoảnh 18 cho hộ ông Hoàng Văn X và lô 9b, khoảnh 18 cho hộ ông Bé Văn Đ phản ánh đúng thực tế tại thực địa, đúng trình tự, thủ tục về giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ủy ban nhân dân huyện đã giao cho Hạt Kiểm lâm huyện S Đ chủ trì thực hiện việc giao đất, giao rừng. Khi giao đất cho hộ ông Hoàng Văn X, ông Bé Văn Đ cũng như các hộ gia đình khác đều được tiến hành trên thực địa. Tổ công tác và đại diện những hộ gia đình nhận đất cùng đến thực địa, giao từng lô đất cho từng hộ gia đình, xác định ranh giới theo đông, đỉnh, rạch hoặc cây cối tự nhiên, đồng thời, cán bộ chuyên môn thực hiện kẻ vẽ để về tính diện tích từng lô đã giao và xác lập nên bản đồ quản lý đất lâm nghiệp 02. Việc giao nhận đất lâm nghiệp chỉ xác định vị trí lô thửa và chỉ ra ranh giới cho các hộ chứ không đo đạc, cắm mốc cụ thể vì thời điểm đó chưa có

điều kiện về kỹ thuật, máy móc phục vụ việc đo đạc. Khi giao đất, tổ công tác có lập biên bản giao nhận, các thành viên của tổ công tác và đại diện của hộ gia đình nhận đất có mặt và ký vào biên bản giao nhận. Do vậy, việc giao đất lâm nghiệp tại khoảnh 18, thôn D, xã H S cho các hộ gia đình, trong đó có lô 5b của gia đình ông Hoàng Văn X và lô 9b của gia đình ông Bé Văn Đ tại thực địa là đúng với lô, thửa của bản đồ quản lý đất lâm nghiệp xã H S. Tổ công tác tiến hành giao đất như tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp 02 là chính xác. Khi giao đất tại thực địa, Tổ công tác tiến hành giao từng lô cho từng hộ, giao đến đâu kẻ vẽ sơ đồ, xác định lô, khoảnh đến đó nên không có sự nhầm lẫn. Việc hộ ông Hoàng Văn X và hộ ông Bé Văn Đ xảy ra tranh chấp, Ủy ban nhân dân huyện S Đ xác định diện tích đất tranh chấp không thuộc lô 5b, khoảnh 18 của hộ ông Hoàng Văn X và cũng không thuộc lô 9b, khoảnh 18 của hộ ông Bé Văn Đ. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Động xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ theo chỉ dẫn của các đương sự. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ đã xác định được:

- Hộ ông Hoàng Văn X và hộ ông Bé Văn Đ canh tác không đúng lô, khoảnh được giao. Cụ thể: Cả hai hộ đang canh tác 1 phần trên lô 10b, khoảnh 18 và một phần trên đất công do Ủy ban nhân dân xã H S quản lý. Vị trí lô 5b, khoảnh 18 của hộ ông Hoàng Văn X và lô 9b, khoảnh 18 của hộ ông Bé Văn Đ nằm tách biệt hoàn toàn so với vị trí thửa đất hai hộ đang quản lý, sử dụng.

- Diện tích đất gia đình ông Hoàng Văn X đang quản lý sử dụng là 28.481m².

Trong đó:

- + 12.231m² nằm trong lô 10b, khoảnh 18 giao cho hộ ông Hoàng Văn L.

- + 16.250m² thuộc đất công do Ủy ban nhân dân xã H S, huyện S Đ quản lý.

- Diện tích đất gia đình ông Bé Văn Đ đang quản lý, sử dụng là 25.535m².

Trong đó:

- + 13.438m² nằm trong lô 10b, khoảnh 18 giao cho hộ ông Hoàng Văn L.

- + 12.097m² thuộc đất công cộng do Ủy ban nhân dân xã H S quản lý.

- Diện tích đất tranh chấp là 9.436m². Trong đó:

- + 6.350 m² thuộc lô 10b, khoảnh 18 giao cho hộ ông Hoàng Văn L.

- + 3.086 m² thuộc đất công cộng do Ủy ban nhân dân xã H S quản lý.

Trên diện tích đất tranh chấp, gia đình ông Bé Văn Đ có trồng cây thông, keo, bạch đàn.

Tiến hành xác minh chứng cứ từ những người làm chứng, kết quả như sau:

- Ông Hoàng Liên S là cán bộ Hạt kiểm lâm huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang cung cấp: Năm 1995, ông là cán bộ Hạt kiểm lâm huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang, được đại diện Hạt kiểm lâm tham gia Tổ công tác giao đất lâm nghiệp số 5b, khoảnh 18 của ông Hoàng Văn X và thửa số 9b, khoảnh 18 của ông Bé Văn Đ. Tổ công tác đã thực hiện theo đúng quy trình, tiến hành giao đất trên thực địa. Việc giao nhận đất lâm nghiệp chỉ xác định vị trí lô thửa, ranh giới cho các hộ mà không đo đạc, cắm mốc cụ thể vì thời điểm đó chưa có điều kiện về kỹ thuật, máy móc phục vụ việc đo đạc. Khi giao đất tại thực địa, Tổ công tác tiến hành giao từng lô cho từng hộ, giao đến đâu kẻ vẽ sơ đồ, xác định lô khoảnh đến đó như tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp 02 là chính xác, không có sự nhầm lẫn.

- Ông Tô Văn N là Chủ nhiệm Hợp tác xã Thôn D, xã H S, huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang giai đoạn 1994 - 2000 (gồm 3 đội sản xuất nay là thôn D 1, Dàn 2, Dàn 3) cung cấp: Năm 1995, ông có tham gia Tổ công tác giao đất lâm nghiệp cho các hộ trong thôn, ông không được trực tiếp đến thực địa để giao đất cho hộ ông Hoàng Văn X và hộ ông Bé Văn Đ, nhưng khi về trụ sở Ủy ban nhân dân xã để lập biên bản thì ông có được ký vào Biên bản giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Hoàng Văn X và hộ ông Bé Văn Đ. Phương thức giao đất lâm nghiệp khi đó là Tổ công tác cùng đại diện hộ gia đình nhận đất đến thực địa, xác định vị trí lô đất, ranh giới giữa các lô dựa theo điều kiện tự nhiên như đồng, khe, rạch, cây tự nhiên mà không đo đạc, cắm mốc ranh giới các lô, thửa. Cán bộ Đoàn thiết kế của Tỉnh kẻ vẽ sơ đồ sau đó tính toán diện tích, lập nên tờ bản đồ lâm nghiệp số 02.

Với nội dung vụ án như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 166, Điều 170, Điều 203, của Luật đất đai 2013; Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự; khoản 9 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L về việc yêu cầu vợ chồng ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P trả lại diện tích 9.436m² đất tranh chấp. Kích thước cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc từ điểm 7 đến điểm 8 dài 44m, giáp đất công cộng do Ủy ban nhân dân xã H S quản lý.

- Cạnh hướng Đông Nam là đường gấp khúc tự nhiên từ điểm 8-9-10-11-12-13-14-15 dài 199 m, giáp đất gia đình ông Hoàng Văn X đang quản lý.

- Cạnh hướng Tây Nam từ điểm 23 đến điểm 15 dài 49m, giáp phần đất của gia đình ông Bé Văn Đ đang quản lý, sử dụng.

- Cạnh hướng Tây Bắc là đường gấp khúc tự nhiên từ điểm 23-24-25-27-28-29-6-7 dài 262m, giáp phần đất do ông Bé Văn Đ đang quản lý, sử dụng.

Đất tranh chấp là Hình 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,23,24,25,27,28,29. Diện tích là 9.436m².

Trong đó:

+ 6.350 m² (Hình: 6,7,8,9,10,11,12,25,27,28,29) thuộc lô 10b, khoảnh 18 giao cho hộ ông Hoàng Văn L.

+ 3.086 m² (Hình: 12,13,14,15,23,24,25) thuộc đất công do UBND xã H S quản lý.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 02/11/2020, các đồng nguyên đơn là ông Hoàng Văn X và bà Nông Thị L đều kháng cáo.

Nội dung kháng cáo: Ông Hoàng Văn X và bà Nông Thị L đồng nhất nội dung kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 22/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Hoàng Thị P, ông Bé Văn Đ phải trả lại cho gia đình bà 9.436m² đất lâm nghiệp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hoàng Văn X và bà Nông Thị L không thay đổi, bổ sung rút yêu cầu khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Hoàng Văn X và bà Nông Thị L đều thống nhất trình bày: Gia đình ông được Nhà nước giao đất từ năm 1995, đến năm 1999 gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa lô 5b, khoảnh 18 diện tích 28.000m², gia đình ông đã sử dụng ổn định đến năm 2003 thì phát sinh tranh chấp với gia đình ông Bé Văn Đ, Ủy ban nhân dân xã H S, huyện S Đ đã giải quyết tranh chấp nhưng gia đình ông Bé Văn Đ không chấp nhận nội dung giải quyết tranh chấp của Ủy ban nhân dân xã H S, huyện S Đ. Năm 2015, gia đình ông Bé Văn Đ tiếp tục lấn chiếm đất của gia đình ông. Ông đã khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang giải quyết nhưng Tòa án nhân dân huyện Sơn Động đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ xác định gia đình ông sử dụng nhầm lô thửa và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của gia đình ông là không đúng thực tế, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại để xác định gia đình ông sử dụng đất có bị nhầm lô, thửa hay không. Đề nghị Tòa án nhân dân

tỉnh Bắc Giang buộc ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P phải trả lại gia đình ông 9436m² đất tại lô 5b, khoảnh 18 xã H S, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang như kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đồng bị đơn là ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 22-10-2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bé Văn Đ và bà Hoàng Thị P đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác không có liên quan đến kháng cáo, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết kháng cáo. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P, và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L, Hội đồng xét xử thấy: Chứng cứ ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L đưa ra để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N734037, cấp ngày 25/9/1999, mang tên hộ ông Hoàng Văn X, lô 5b, khoảnh 18 để khởi kiện yêu cầu ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P phải trả lại cho gia đình ông 9.436m² đất.

Ngày 07/7/2020, và ngày 16/7/2020, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Việc xem xét thẩm định tại chỗ có sự phối hợp của Hạt kiểm lâm huyện Sơn Động là đơn vị tiến hành đo đạc hiện trạng quản lý, sử dụng thửa đất của hộ ông Hoàng Văn X và hộ ông Bé Văn Đ theo chỉ dẫn của các đương sự. Ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L, anh Bé Văn H là người đại diện theo ủy quyền của ông Bé Văn Đ đều có mặt tham gia xem xét thẩm định tại chỗ. Hội đồng xét xử thấy: Việc xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang là đúng quy định tại Điều 101 của Bộ luật tố tụng dân sự; kết quả xem xét thẩm định tại chỗ phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất của gia đình ông Hoàng Văn X và gia đình ông Bé Văn Đ. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ đối chiếu với bản đồ quản lý đất lâm nghiệp xác định được: Hộ ông

Hoàng Văn X và hộ ông Bé Văn Đ sử dụng nhằm lô thửa, không đúng lô đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể: Hộ ông Hoàng Văn X và ông Bé Văn Đ đang canh tác một phần thửa đất công thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã H S, một phần thửa đất lô 10b, khoảnh 18 cấp cho hộ ông Hoàng Văn L. Vị trí lô 5b, khoảnh 18 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hoàng Văn X và lô 9b khoảnh 18 đã cấp cho ông Bé Văn Đ có vị trí hoàn toàn tách biệt so với thửa đất hai hộ đang quản lý, sử dụng và đang có tranh chấp. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L, anh Bé Văn H đều đồng ý ký biên bản xem xét thẩm định tại chỗ mà không có ý kiến phản đối hoặc khiếu nại gì. Ông Hoàng Văn X khai, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định tại chỗ không đúng thực tế là không có căn cứ. Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ lại theo yêu cầu của ông Hoàng Văn X vẫn có đủ chứng cứ để giải quyết vụ án.

Ông Hoàng Liên S – Phó Hạt trưởng Hạt kiểm lâm huyện S Đ, tỉnh Bắc Giang, ông Tô Văn N, nguyên là Chủ nhiệm Hợp tác xã Thôn D, xã H S, huyện S Đ là những người trong tổ công tác giao đất lâm nghiệp cho các hộ đều khẳng định: Tổ công tác tiến hành giao đất trên thực địa, việc giao đất chỉ xác định vị trí lô đất, ranh giới giữa các lô theo đặc điểm tự nhiên như dòng, rạch, gốc cây, không đo đạc, cắm mốc giới, cán bộ chuyên môn tiến hành kẻ vẽ sơ đồ sau đó về tính toán diện tích, xác lập nên bản đồ giao đất lâm nghiệp 02 nên không có sự nhầm lẫn khi giao nhận đất.

Đại diện Ủy ban nhân dân huyện S Đ cũng khẳng định: Hồ sơ giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô 5b, khoảnh 18 cho hộ ông Hoàng Văn X và lô 9b, khoảnh 18 cho hộ ông Bé Văn Đ phản ánh đúng thực tế tại thực địa, đúng trình tự, thủ tục về giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc giao đất cho hộ ông Hoàng Văn X, hộ ông Bé Văn Đ tại thực địa như tờ bản đồ giao đất lâm nghiệp 02 là chính xác.

Như vậy, có đủ căn cứ khẳng định: Diện tích 9.436m² đất ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L đang tranh chấp với ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P không thuộc trong lô 5b, khoảnh 18 của hộ ông Hoàng Văn X. Ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L và các thành viên khác trong gia đình ông Hoàng Văn X đều khẳng định: Gia đình ông bà đang canh tác đúng với vị trí thửa đất được giao từ năm 1995 nhưng họ đều không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình là có căn cứ. Ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại Điều 6, Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bản án sơ thẩm không chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn X là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 166, Điều 170 Luật đất đai.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS - ST ngày 22-10- 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc diện được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, Điều 294, Điều 296, khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L. Giữ nguyên bản án dân sự số 07/2020/DS - ST ngày 22-10- 2020 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

Áp dụng Điều 6, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203, của Luật đất đai 2013; Điều 175, Điều 176 của Bộ luật dân sự; Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L về việc yêu cầu vợ chồng ông Bé Văn Đ, bà Hoàng Thị P trả lại diện tích 9.436m² đất tranh chấp. Kích thước cụ thể như sau:

- Cạnh hướng Đông Bắc từ điểm 7 đến điểm 8 dài 44m, giáp đất công cộng do Ủy ban nhân dân xã H S quản lý.

- Cạnh hướng Đông Nam là đường gấp khúc tự nhiên từ điểm 8-9-10-11-12-13-14-15 dài 199 m; giáp đất gia đình ông Hoàng Văn X đang quản lý.

- Cạnh hướng Tây Nam từ điểm 23 đến điểm 15 dài 49m; giáp phần đất của gia đình ông Bé Văn Đ đang quản lý, sử dụng.

- Cạnh hướng Tây Bắc là đường gấp khúc tự nhiên từ điểm 23-24-25-27-28-29-6-7 dài 262m, giáp phần đất do ông Bé Văn Đ đang quản lý, sử dụng.

Đất tranh chấp là Hình 6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,23,24,25,27,28,29. Diện tích là 9.436m².

Trong đó:

+ 6.350 m² (Hình: 6,7,8,9,10,11,12,25,27,28,29) thuộc lô 10b, khoảnh 18 giao cho hộ ông Hoàng Văn L.

+ 3.086 m² (Hình: 12,13,14,15,23,24,25) thuộc đất công do Ủy ban nhân dân xã H S quản lý (Có sơ đồ kèm theo bản án).

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản: Buộc vợ chồng ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L phải chịu 9.701.000đồng (Chín triệu bảy trăm linh một nghìn đồng chẵn) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Xác nhận ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí định giá tài sản.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm, miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Hoàng Văn X, bà Nông Thị L.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án ND huyện Sơn Động;
- Chi cục THADS huyện Sơn Động;
- Các đương sự;
- Lưu HS; VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thạo